BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 5991 /BTNMT-TNN	
V/v phối hợp cung cấp thông tin, số liệu phục vụ xây dựng kịch bản nguồn nước trên lưu vực sông Hồng - Thái Bình	*Hà Nội, ngày 04 tháng 9 năm 2024*

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố: Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình, Lào Cai, Hà Giang, Tuyên Quang, Yên Bái, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Bắc Giang, Phú Thọ, Quảng Ninh, Vĩnh Phúc, Hà Nội, Bắc Ninh, Hải Dương, Hải Phòng, Thái Bình, Hưng Yên, Hà Nam, Ninh Bình và Nam Định.

Ngày 27 tháng 11 năm 2023, Quốc hội đã thông qua Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15; ngày 16 tháng 5 năm 2024, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 53/2024/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước, các văn bản quy phạm pháp luật này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2024. Theo đó, quy định Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Xây dựng, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức lưu vực sông và tổ chức khác có liên quan xây dựng và công bố kịch bản nguồn nước trên các lưu vực sông liên tỉnh.

Thực hiện nhiệm vụ nêu trên, Bộ Tài nguyên và Môi trường dự kiến sẽ công bố kịch bản nguồn nước trên 02 lưu vực sông quan trọng, lớn nhất cả nước, bao gồm: lưu vực sông Hồng - Thái Bình và lưu vực sông Cửu Long trong tháng 11 năm 2024, nhằm xây dựng, cập nhật phương án điều hòa, phân phối tài nguyên nước và phục vụ các Bộ ngành, địa phương lập kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước. Vì vậy, để đảm bảo mức độ đầy đủ, tin cậy của thông tin, số liệu phục vụ xây dựng kịch bản nguồn nước, Bộ Tài nguyên và Môi trường trân trọng đề nghị Quý Ủy ban chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, đơn vị trực thuộc thực hiện các nội dung sau:

1. Cung cấp thông tin, số liệu của công trình, hệ thống công trình thủy lợi đầu mối thuộc phạm vi quản lý của địa phương trong Phụ lục 01 kèm theo, bao gồm:

- Thông số thiết kế, quy trình vận hành các công trình, hệ thống công trình thủy lợi; nhiệm vụ và phạm vi cấp nước của công trình, cụ thể đến xã, huyện, tỉnh *(Mẫu cung cấp thông tin chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo).*

- Số liệu vận hành của công trình, hệ thống công trình thủy lợi từ năm 2015 đến nay *(Mẫu cung cấp thông tin chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo).*

- Thông tin về mùa vụ, yêu cầu sử dụng nước theo từng thời kỳ phục vụ sản xuất nông nghiệp và cấp nước từ năm 2015 đến năm 2025 *(Mẫu cung cấp thông tin chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo).*

2. Cung cấp thông tin, số liệu của các công trình cấp nước tập trung thuộc phạm vi quản lý *(Mẫu cung cấp thông tin chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo).*

3. Cung cấp thông tin về tình hình hạn hán, thiếu nước tại địa phương *(Mẫu cung cấp thông tin chi tiết tại Phụ lục 03 kèm theo)*. Những khó khăn, vướng mắc trong công tác khai thác nguồn nước phục vụ cấp nước cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, sinh hoạt, dịch vụ và các đề xuất, kiến nghị của đơn vị quản lý, vận hành các cấp.

4. Cử đơn vị chuyên môn làm đầu mối phối hợp trực tiếp với Cục Quản lý tài nguyên nước, Bộ Tài nguyên và Môi trường trong việc cung cấp thông tin, số liệu phục vụ quá trình xây dựng, cập nhật kịch bản nguồn nước trên lưu vực sông Hồng - Thái Bình.

Ngoài ra, để nâng cao mức độ chính xác của kịch bản nguồn nước, trân trọng đề nghị Quý Ủy ban chỉ đạo các công ty khai thác công trình thủy lợi và các tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp, bổ sung các thông tin, số liệu theo yêu cầu của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Thông tin, số liệu cung cấp đề nghị gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường (qua Cục Quản lý tài nguyên nước, số 10, Tôn Thất Thuyết, Hà Nội, điện thoại 0986.851.286) trước ngày 16 tháng 9 năm 2024 và bằng thư điện tử gửi tới địa chỉ: baocaoktsdtnn@gmail.com để tổng hợp.

Bộ Tài nguyên và Môi trường trân trọng cảm ơn sự hợp tác và phối hợp của Quý Ủy ban./.

TUQ. BỘ TRƯỞNG
CỤC TRƯỞNG
CỤC QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN NƯỚC

Châu Trần Vĩnh

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng Đỗ Đức Duy (để báo cáo);
- Thứ trưởng Lê Minh Ngân (để báo cáo);
- Trung tâm QH&ĐT TNN quốc gia;
- VPTT Ủy ban sông Mê Công Việt Nam;
- Viện Khoa học tài nguyên nước;
- Viện Khoa học KTTV và BĐKH;
- Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia;
- Lưu: VT, VP, TNN.

Phụ lục số 01. Các công trình đầu mối (hồ chứa thủy lợi, cống, trạm bơm) cần cung cấp thông tin, số liệu

(Ban hành kèm theo công văn số /BTNMT-TNN ngày tháng năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phối hợp cung cấp thông tin, số liệu phục vụ xây dựng kịch bản nguồn nước trên lưu vực sông Hồng - Thái Bình)

Bảng 1.1. Thông số thiết kế công trình hồ chứa thuỷ lợi

TT	Tên hồ chứa	Vị trí			Tọa độ (VN2000)		Nguồn nước khai thác	Nhiệm vụ	Diện tích tưới (ha)		Phạm vi tưới/cấp nước (xã… huyện… tỉnh...)	Thông số thiết kế						Quy trình vận hành (gửi kèm)
		Xã	Huyện	Tỉnh	X (m)	Y (m)			Thiết kế	Thực tế		CT đỉnh đập (m)	MNGC (m)	MNDBT (m)	MNC (m)	Dung tích toàn bộ (tr. m^3)	Dung tích hữu ích (tr. m^3)	
1	Núi Cốc			Thái nguyên														
2	Bảo Linh			Thái nguyên														
3	Gò Miếu			Thái nguyên														
4	Phượng Mao			Phú Thọ														
5	Ngòi Vần			Phú Thọ														
6	Lửa Việt			Phú Thọ														
7	Ngòi Giành			Phú Thọ														
8	Khuôn Thần			Bắc Giang														
9	Làng Thum			Bắc Giang														
10	Suối Nứa			Bắc Giang														
11	Đá Ong			Bắc Giang														
12	Cầu Rễ			Bắc Giang														
13	Suối Cấy			Bắc Giang														
14	Cấm Sơn			Bắc Giang														
15	Phú Lợi			Hải Dương														

TT	Tên hồ chứa	Vị trí			Tọa độ (VN2000)		Nguồn nước khai thác	Nhiệm vụ	Diện tích tưới (ha)		Phạm vi tưới/cấp nước (xã… huyện… tỉnh...)	Thông số thiết kế						Quy trình vận hành (gửi kèm)
		Xã	Huyện	Tỉnh	X (m)	Y (m)			Thiết kế	Thực tế		CT đỉnh đập (m)	MNGC (m)	MNDBT (m)	MNC (m)	Dung tích toàn bộ (tr. m^3)	Dung tích hữu ích (tr. m^3)	
16	Bến Châu			Quảng Ninh														
17	Khe Chè			Quảng Ninh														
18	Trại Lốc 1			Quảng Ninh														
19	Đại Lải			Vĩnh Phúc														
20	Xạ Hương			Vĩnh Phúc														
21	Thanh Lanh			Vĩnh Phúc														
22	Vân Trục			Vĩnh Phúc														
23	Đồng Mỏ			Vĩnh Phúc														
24	Đồng Mô			Hà Nội														
25	Suối Hai			Hà Nội														
26	Quan Sơn			Hà Nội														
27	Đồng Sương			Hà Nội														
28	Văn Sơn			Hà Nội														
29	Xuân Khanh			Hà Nội														
30	Yên Quang			Ninh Bình														
31	Cụm hồ Yên Đồng (1+2+3)			Ninh Bình														
32	Yên Thắng			Ninh Bình														

Bảng 1.2. Số liệu vận hành của hồ chứa thuỷ lợi từ năm 2015 - nay

Ngày	**Mực nước hồ (m)**	**Lưu lượng đến hồ (m^3/s)**	**Lưu lượng xả qua tràn (m^3/s)**	**Lưu lượng nước khai thác từ hồ chứa để tưới/cấp nước (m^3/s)**
1/1/2015				
…				
…				

Bảng 1.3. Nhu cầu tưới/cấp nước của hồ chứa thuỷ lợi từ năm 2015 - tháng 6/2025

Thời gian tưới/cấp nước (từ ngày… đến ngày)	**Lưu lượng (m^3/s)**	**Lượng nước (tr. m^3)**
… - …		
… - …		
… - …		

Bảng 1.4. Thông số thiết kế các công trình cống, trạm bơm

TT	**Tên công trình đầu mối**	**Hệ thống thủy nông**	**Vị trí**			**Tọa độ (VN2000)**		**Nguồn nước khai thác**	**Nhiệm vụ (tưới, tạo nguồn cấp nước sinh hoạt, công nghiệp,…)**	**Diện tích tưới (ha)**		**Phạm vi tưới/cấp nước (xã… huyện… tỉnh...)**	**Thông số thiết kế**						**Hiện trạng**	**Quy trình vận hành (gửi kèm)**
			Xã	**Huyện**	**Tỉnh**	**X (m)**	**Y (m)**			**Thiết kế**	**Thực tế**		**Số cửa**	**B (m)**	**H (m)**	**Cao trình đáy cống (m)**	**Mực nước thiết kế (m)**	**Lưu lượng thiết kế (m^3/s)**		
1	Cống Bằng Lai	An Kim Hải																		
2	Cống Quảng Đạt	An Kim Hải																		
3	Cống Long Tửu	Bắc Đuống																		
4	TB Trịnh Xá	Bắc Đuống																		
5	Cống Nhâm Lang	Bắc Thái Bình																		
6	Cống Đại Nẫm	Bắc Thái Bình																		

TT	Tên công trình đầu mối	Hệ thống thủy nông	Vị trí			Tọa độ (VN2000)		Nguồn nước khai thác	Nhiệm vụ (tưới, tạo nguồn cấp nước sinh hoạt, công nghiệp,…)	Diện tích tưới (ha)		Phạm vi tưới/cấp nước (xã… huyện… tỉnh...)	Thông số thiết kế						Hiện trạng	Quy trình vận hành (gửi kèm)
			Xã	Huyện	Tỉnh	X (m)	Y (m)			Thiết kế	Thực tế		Số cửa	B (m)	H (m)	Cao trình đáy cống (m)	Mực nước thiết kế (m)	Lưu lượng thiết kế (m^3/s)		
7	TB Đại Nẫm	Bắc Thái Bình																		
8	Cống Trung Trang	Đa Độ																		
9	TB Đan Hoài	Đan Hoài																		
10	TB Thanh Điềm	Đông Anh																		
11	TB Áp Bắc	Đông Anh																		
12	Cống Múc	Hải Hậu																		
13	Cống Ba Đồng	Vĩnh Bảo																		
14	Cống Lương Phú	Hữu Đáy																		
15	TB Trung Hà	Hữu Đáy																		
16	TB Sơn Đà	Hữu Đáy																		
17	Cống Năm Cửa	Liễn Sơn																		
18	TB Đại Định	Liễn Sơn																		
19	TB Bạch Hạc	Liễn Sơn																		
20	Cống Ngô Xá	Nam Ninh																		
21	Cống Bình Hải 1	Nam Ninh																		
22	Cống Bình Hải 2	Nam Ninh																		
23	Cống Tân Lập	Nam Thái Bình																		
24	Cống Tân Đệ	Nam Thái Bình																		
25	Cống Cẩm Đình	Phù Sa																		
26	TB Phù Sa	Phù Sa																		
27	Cống Liên Mạc	Sông Nhuệ																		
28	Cống Đồng Quan	Sông Nhuệ																		
29	TB Hồng Vân	Sông Nhuệ																		
30	TB Cao Xuân Dương	Sông Nhuệ																		
31	TB Thụy Phú	Sông Nhuệ																		
32	TB Quang Trung	Sông Nhuệ																		
33	Cống Rinh1	Thủy Nguyên																		
34	Cống Bính	Thủy Nguyên																		
35	Cống Phi Liệt	Thủy Nguyên																		
36	Cống Hạ Miếu	Xuân Thủy																		
37	Cống Ngô Đồng	Xuân Thủy																		
38	Cống Cồn Nhất	Xuân Thủy																		

Bảng 1.5. Số liệu quan trắc mực nước, độ mặn (nếu có) của công trình cống/trạm bơm từ năm 2015 - nay

Ngày	**Mực nước cống/trạm bơm (m)**		**Độ mở cống (m)**	**Độ mặn (nếu có) (‰)**
	Thượng lưu	**Hạ lưu**		
1/1/2015				
…				
…				

Bảng 1.6. Nhu cầu tưới/cấp nước của công trình cống, trạm bơm đầu mối từ năm 2015 - tháng 6/2025

Thời gian tưới/cấp nước (từ ngày… đến ngày)	**Lưu lượng (m^3/s)**	**Lượng nước (tr. m^3)**	**Mực nước yêu cầu tại vị trí khai thác hoặc tại trạm thủy văn đại diện (m)**
… - …			
… - …			
… - …			

Phụ lục số 02. Thông tin, số liệu công trình cấp nước tập trung

(Ban hành kèm theo công văn số /BTNMT-TNN ngày tháng năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phối hợp cung cấp thông tin, số liệu phục vụ xây dựng kịch bản nguồn nước trên lưu vực sông Hồng - Thái Bình)

Bảng 2.1. Danh mục công trình cấp nước tập trung sử dụng nguồn nước dưới đất

TT	Tên nhà máy nước/Trạm cấp nước	Số hiệu giếng	Vị trí			Tọa độ (VN2000)		Loại hình	Cấp nước cho mục đích (sinh hoạt, công nghiệp,…)	Thông số công trình							
			Xã	Huyện	Tỉnh	X (m)	Y (m)			Năm bắt đầu khai thác	Năm dừng khai thác	Đường kính giếng (mm)	Chiều sâu giếng	Hiện trạng khai thác (m^3/ngày)	Tầng chứa nước khai thác	Chiều sâu mực nước hiện tại tính từ mặt đất (m)	Chế độ khai thác (giờ/ngày)
	….	….															

Bảng 2.2. Danh mục công trình cấp nước tập trung sử dụng nguồn nước mặt

TT	Tên công trình	Vị trí			Tọa độ (VN2000)		Nguồn nước khai thác (sông, hồ...)	Cấp nước cho mục đích (sinh hoạt, công nghiệp,…)	Lưu lượng khai thác (m^3/ngày đêm)		Phạm vi cấp nước (xã… huyện… tỉnh…, khu công nghiệp...)	Các thời điểm gặp khó khăn trong khai thác từ 2015 đến nay (tháng… năm…)	Kế hoạch cấp nước năm 2025 (m^3/ngày đêm)
		Xã	Huyện	Tỉnh	X (m)	Y (m)			Thiết kế	Thực tế			
	….												

Phụ lục số 03. Thông tin về tình hình hạn hán, thiếu nước

(Ban hành kèm theo công văn số /BTNMT-TNN ngày tháng năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phối hợp cung cấp thông tin, số liệu phục vụ xây dựng kịch bản nguồn nước trên lưu vực sông Hồng - Thái Bình)

Bảng 3.1. Thống kê các khu vực thiếu nước và mức độ ảnh hưởng do thiếu nước theo các ngành khai thác nước chính từ năm 2015 - nay

Năm	**Tỉnh**	**Huyện**	**Xã (nếu có)**	**Thời gian thiếu nước (từ tháng... đến tháng…)**	**Nguyên nhân thiếu nước**	**Mức độ ảnh hưởng do thiếu nước***				
						Nông nghiệp			Công nghiệp (số khu CN/ diện tích)	Sinh hoạt (người)
						Lúa +rau màu+cây ăn trái (ha)	Thủy sản (ha)	Gia súc/ gia cầm (con)		
2015		…								
		...								
…										

** Trường hợp không định lượng được cụ thể thì đánh dấu "x" nếu có bị ảnh hưởng do thiếu nước.*